

# XÁC ĐỊNH YÊU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI CÁC CÂY ĂN TRÁI CHỦ LỰC KHU VỰC HẬU GIANG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Minh Triều<sup>1</sup>, Phạm Thanh Vũ<sup>2</sup>,

Nguyễn Thị Thanh Tuyền<sup>2</sup>, Võ Quang Minh<sup>2,\*</sup>

<sup>1</sup>Nghiên cứu sinh ngành Quản lý đất đai, Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Đại học Cần Thơ

\*Email: vqminh@ctu.edu.vn

## TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm xác định các yêu cầu sử dụng đất đai đối với các loại cây ăn trái chủ lực tại khu vực Hậu Giang, thành phố Cần Thơ. Trên cơ sở tổng hợp tài liệu, đặc điểm sinh thái cây trồng và điều kiện tự nhiên của khu vực nghiên cứu, đã đánh giá thực trạng và 6 mô hình canh tác cây ăn trái chủ lực trên quan điểm tính bền vững và độ phì nhiêu đất được chọn bao gồm: Bưởi da xanh, chanh không hạt, khóm, mít, măng cầu xiêm, sầu riêng. Đồng thời, các yếu tố đất đai quan trọng như thành phần cơ giới đất, độ chua đất ( $pH_{H_2O}$ ), nguy hại do phèn, nhiễm mặn, điều kiện ngập lũ và dinh dưỡng đất được xác định đối với yêu cầu sử dụng đất đai. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở khoa học cho việc lựa chọn cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển vùng chuyên canh cây ăn trái và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững ở thành phố Cần Thơ.

**Từ khóa:** Cây trồng chủ lực, tiềm năng đất đai, định hướng, bền vững, Hậu Giang, Cần Thơ.

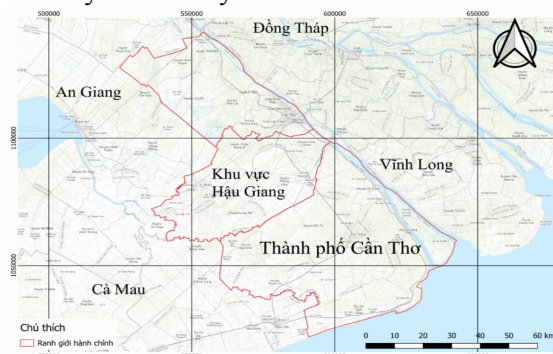
## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu vực Hậu Giang thuộc thành phố Cần Thơ (sau sắp xếp đơn vị hành chính địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp) là vùng có tiềm năng phát triển nông nghiệp nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi và nguồn tài nguyên đất đa dạng, đặc biệt đối với sản xuất cây ăn trái, lúa và nuôi trồng thủy sản. Đây là khu vực có khả năng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nông sản và định hướng xuất khẩu.

Hiện nay, tổng diện tích cây ăn trái toàn khu vực đạt 41.568 ha, trong đó nhóm cây có múi chiếm 14.431 ha, cây mít 6.562 ha, cây khóm 2.744 ha, măng cầu xiêm 762 ha và các loại cây ăn trái khác đạt 17.069 ha. Cơ cấu sản xuất cho thấy, cây ăn trái đang trở thành một trong những ngành hàng quan trọng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nâng cao giá trị sử dụng đất tại địa phương.

Trong thời gian qua, địa phương đã phối hợp với các cơ quan nghiên cứu và nhà khoa học triển khai nhiều hoạt động điều tra, đánh giá điều kiện

thổ nhưỡng nhằm phục vụ định hướng phát triển các cây trồng chủ lực, tập trung vào cây lúa và nhóm cây ăn trái. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có chủ yếu dừng lại ở đánh giá điều kiện tự nhiên và định hướng phát triển chung, trong khi việc xác định yêu cầu sử dụng đất đai đối với từng loại cây ăn trái chủ lực vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và chuyên sâu.



**Hình 1. Bản đồ đơn vị hành chính khu vực Hậu Giang (thành phố Cần Thơ)**

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định yêu cầu sử dụng đất đai đối với các loại cây ăn trái chủ lực tại khu

vực Hậu Giang, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho việc khai thác và sử dụng đất hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, đáp ứng yêu cầu thị trường và định hướng phát triển các vùng sản xuất cây ăn trái tập trung trong thời gian tới.

## **2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Vật liệu nghiên cứu**

Phỏng vấn các chuyên gia và nông hộ khu vực Hậu Giang, phần mềm Excel để nhập và tính toán số liệu phỏng vấn.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp**

Tổng hợp các tài liệu có liên quan đến nghiên cứu như: Các đặc tính đất, tính chất lý hóa học đất,... từ các kết quả nghiên cứu đã công bố. Thu thập và kế thừa số liệu khảo sát của các đề tài, dự án đã và đang triển khai tại khu vực Hậu Giang, Thành phố Cần Thơ.

#### **2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp**

Tiến hành phỏng vấn nông hộ và các chuyên gia là người tham gia trực tiếp sản xuất, cán bộ, nhà quản lý và nhà khoa học đang làm việc, nghiên cứu liên quan trực tiếp đến các loại cây trồng chủ lực tại khu vực Hậu Giang gồm: Bưởi da xanh, chanh không hạt, khóm, mít, măng cầu xiêm, sầu riêng. Nội dung khảo sát bao gồm: Loại cây trồng, giống, kỹ thuật canh tác, yêu cầu về tự nhiên (môi trường, đất, nước), phân bón, hình thức tiêu thụ, định hướng phát triển trong thời gian tới. Cỡ mẫu được xác định theo công thức của Slovin (1960) [1].

#### **2.2.3. Phương pháp kế thừa**

Thu thập và kiểm chứng các kết quả nghiên cứu từ dự án “*Triển khai thực nghiệm các mô hình nhằm cải thiện và nâng cao độ phì nhiêu đất bền vững tại tỉnh Hậu Giang*”; đề tài “*Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng bền vững đất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang*” giai đoạn 1 (2018 - 2020).

#### **2.2.4. Phương pháp phân tích và đánh giá**

Các kết quả sau khi khảo sát chính thức được tổng hợp hiệu chỉnh số liệu thu thập nhằm đảm bảo số mẫu khảo sát đại diện. Ngoài ra, kiểm tra dị biệt giúp kết quả kiểm định đúng hướng nghiên

cứ thực hiện thống kê tần số (Frequency) với dữ liệu cung cấp đạt  $p\text{-value} > 0,05$ . Trên cơ sở kết quả thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp, tiến hành phân tích các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường phục vụ đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến các loại cây trồng chủ lực. Các kết quả sau khi khảo sát được tổng hợp và xử lý, chọn lựa yếu tố chuẩn đoán cho chất lượng đất đai; đồng thời, tiến hành xác định các yêu cầu sử dụng đất đai của từng loại cây trồng chủ lực.

## **3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

### **3.1. Chọn lọc và mô tả các kiểu sử dụng đất đai**

Kết quả nghiên cứu đã chọn lọc 6 cây trồng chủ lực có triển vọng phát triển cho khu vực Hậu Giang gồm: Bưởi da xanh (LUT 1), chanh không hạt (LUT 2), khóm (LUT 3), mít (LUT 4), măng cầu xiêm (LUT 5), sầu riêng (LUT 6).

- *Bưởi da xanh (LUT 1)*: Khu vực Hậu Giang có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ trung bình hằng năm dao động từ 25 - 28°C, phù hợp cho sự phát triển của cây bưởi, giúp cây quang hợp và phát triển tốt. Lượng mưa hằng năm trung bình từ 1.600 - 2.200 mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (tháng 5 đến tháng 11). Độ ẩm trung bình thường khá cao, từ 80 - 90%, giúp cây bưởi giữ được độ ẩm trong đất và không bị khô hạn trong mùa khô. Năng suất trung bình đạt khoảng 11 tấn/ha [2]. Khu vực Hậu Giang có đến 42% nhà vườn có kinh nghiệm trên 7 năm, 31% nhà vườn có kinh nghiệm từ 5 - 7 năm.

- *Chanh không hạt (LUT 2)*: Khu vực Hậu Giang có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ trung bình hằng năm phù hợp với yêu cầu của chanh không hạt, cần nhiều ánh sáng để quang hợp và tốt cho năng suất cao. Lượng mưa trung bình hằng năm từ 1.600 - 2.000 mm; độ ẩm không khí trung bình khoảng 80 - 90% phù hợp cho cây chanh không hạt phát triển. Diện tích là 2.764 ha, sản lượng hằng năm đạt khoảng 30.494 tấn, thị trường tiêu thụ chính là trong nước và xuất khẩu sang châu Âu. Các loại giống chanh Giấy và chanh Tứ Quý chiếm diện tích trồng lớn nhất với diện tích tương ứng 1.000 - 2.000 ha/năm và 500 - 700 ha/năm vì có giá trị kinh tế cao.

- *Cây khóm (LUT 3)*: Khu vực Hậu Giang có nhiệt độ trung bình từ 25 - 30°C; lượng mưa trung bình từ 1.500 - 2.000 mm/năm, rất phù hợp

cho sinh trưởng của cây khóm. Cây phát triển tốt trong điều kiện nhiệt độ ẩm áp, nhưng có thể bị ảnh hưởng nếu nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp. Độ ẩm không khí cao, trên 80%, giúp cây khóm phát triển khỏe mạnh, nhưng nếu độ ẩm quá cao trong thời gian dài có thể gây bệnh nấm mốc. Cây khóm cần nhiều ánh sáng để quang hợp và phát triển tốt. Số giờ nắng khá cao, khoảng 2.200 - 2.500 giờ/năm, đáp ứng đủ nhu cầu ánh sáng cho cây. Tiềm năng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu khóm khá lớn và được cấp mã số vùng trồng, thương hiệu Khóm Cầu Đức Hậu Giang được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận.

- *Mít (LUT 4)*: Khu vực Hậu Giang có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ trung bình khoảng 26 - 28°C, rất phù hợp cho cây mít phát triển. Lượng mưa trung bình hằng năm từ 1.600 - 2.000 mm, phân bố chủ yếu vào mùa mưa. Giống mít Thái chiếm phần lớn trong tổng diện tích trồng mít của khu vực với diện tích khoảng 5.000 - 6.000 ha/năm, có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là trong xuất khẩu. Toàn khu vực hiện nay đang có 10.051,83 ha đất trồng mít. Năm 2023, đã có 528,3 ha đăng ký mã số vùng trồng [3]. Cây mít ở Khu vực Hậu Giang có giá trị thương phẩm cao, xuất khẩu trái tươi sang thị trường Trung Quốc, tùy thời điểm khác nhau, có thời điểm giá từ 50 - 60 nghìn đồng/kg, lợi nhuận nhà vườn thu được từ 400 - 600 triệu đồng/năm/ha.

- *Mãng cầu xiêm (LUT 5)*: Khu vực Hậu Giang có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ

trung bình khoảng 26 - 28°C, lượng mưa trung bình từ 1.500 - 2.000 mm/năm là điều kiện lý tưởng cho sự phát triển của cây măng cầu xiêm. Tổng diện tích trồng khoảng 676 ha, năng suất trung bình 12 tấn/ha. Định hướng phát triển đến năm 2025 diện tích trồng 1.000 ha, sản lượng đạt 10.000 tấn/năm. Sản phẩm đa dạng (mứt, nước ép, sinh tố, trái thô, trà), có thể tiêu thụ ngay tại địa phương và các vùng lân cận, nhiều thị trường tiềm năng xuất khẩu ra nước ngoài. Trung bình cây cho trái 2 vụ/năm, giá bán dao động từ 18 - 30 nghìn đồng/kg, thu nhập từ 350 - 450 triệu đồng/ha, tùy thời điểm.

- *Sầu riêng (LUT 6)*: Khu vực Hậu Giang có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ trung bình khoảng 26 - 28°C, lượng mưa trung bình từ 1.500 - 2.000 mm/năm là điều kiện phù hợp cho sự phát triển của cây sầu riêng. Hiện nay, toàn khu vực có hơn 2.900 ha sầu riêng với 2 giống sầu riêng phổ biến là Ri6 và Monthong, diện tích sầu riêng thu hoạch khoảng 1.000 ha với năng suất bình quân từ 14 - 16 tấn trái/ha.

### 3.2. Chọn lựa yếu tố chuẩn đoán cho chất lượng đất đai đối với các kiểu sử dụng đất đai

Trong điều kiện khu vực Hậu Giang có 6 yêu cầu sử dụng đất đai được chọn lọc: Khả năng giữ nước mặt, độ chua của đất, nguy hại do phèn, dinh dưỡng trong đất, hiện diện nước mặn và nguy hại do lũ.

**Bảng 1. Chọn yếu tố chuẩn đoán cho chất lượng đất đai**

| TT | Yêu cầu sử dụng đất đai  | Yếu tố chuẩn đoán                           |
|----|--------------------------|---------------------------------------------|
| 1  | Khả năng giữ nước bề mặt | Sa cấu ( $S, L, C, R, \dots$ )              |
| 2  | Độ chua của đất          | pH <sub>H2O</sub> đất ( $a, a-$ )           |
| 3  | Nguy hại do phèn         | Độ sâu xuất hiện phèn tiềm tàng ( $f, f-$ ) |
|    |                          | Độ sâu xuất hiện phèn hoạt động ( $c$ )     |
| 4  | Dinh dưỡng trong đất     | Đất bị thiếu lân ( $p$ )                    |
|    |                          | Khả năng cố định lân cao ( $i$ )            |
| 5  | Nguy hại do mặn          | Nhiễm mặn ( $s-$ )                          |
| 6  | Nguy hại do lũ           | Độ sâu ngập (cm)                            |

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn*

### 3.3. Yêu cầu sử dụng đất đai đối với các kiểu sử dụng đất đai

#### 3.3.1. Bưởi da xanh (LUT 1)

Đất trồng phải có tầng canh tác dày ít nhất là 0,6 m; thành phần cơ giới nhẹ hoặc trung bình, tơi xốp, thông thoáng, thoát nước tốt, có hàm

lượng hữu cơ cao > 3%, pH nước từ 5,5 - 7, có hàm lượng hữu cơ cao > 3%, ít bị nhiễm mặn, mực thủy cấp thấp dưới 0,8 m [4]. Thời gian thu hoạch tương đối ngắn hơn các loại cây khác. Các chi phí cho công chăm sóc, giống, bón phân và thuốc bảo vệ thực vật tương đối cao.

**Bảng 2. Yêu cầu sử dụng đất đai đối với LUT 1- Bưởi da xanh**

| Yêu cầu sử dụng đất đai  | Yếu tố chẩn đoán/đặc tính đất đai      | LUT 1                     |
|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|
| Khả năng giữ nước bề mặt | Sa cấu ( <i>S, L, C, R...</i> )        | Thịt nhẹ, thịt trung bình |
| Độ chua của đất          | pH <sub>H2O</sub> đất ( <i>a, a-</i> ) | 5,5 - 6,5                 |
| Nguy hại do phèn         | Độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn (cm)   | > 100                     |
| Dinh dưỡng trong đất     | Lân dễ tiêu ( <i>p</i> )               | Cao                       |
|                          | Khả năng cố định lân cao ( <i>i</i> )  | Thấp                      |
| Nguy hại do mặn          | Nhiễm mặn ( <i>s-</i> )                | < 2‰                      |
| Nguy hại do lũ           | Độ sâu ngập (cm)                       | < 10 cm                   |
|                          | Thời gian ngập (ngày)                  | Không ngập                |

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn*

### 3.3.2. Chanh không hạt (LUT 2)

Đất cần có tầng canh tác dày (> 0,6 m) và thành phần cơ giới nhẹ (đất cát) hoặc trung bình (đất thịt/thịt pha cát). Đất tơi xốp, thông thoáng, thoát nước tốt, pH nước từ 5,5 - 7; hàm lượng

hữu cơ cao > 3%, không bị nhiễm mặn, mực nước ngầm thấp dưới 0,8 m [5]. Tuy nhiên, tránh tình trạng ngập úng trong mùa mưa, vì cây chanh không hạt nhạy cảm với ngập úng kéo dài.

**Bảng 3. Yêu cầu sử dụng đất đai đối với LUT 2 - Chanh không hạt**

| Yêu cầu sử dụng đất đai  | Yếu tố chẩn đoán/đặc tính đất đai      | LUT 2                     |
|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|
| Khả năng giữ nước bề mặt | Sa cấu ( <i>S, L, C, R...</i> )        | Thịt nhẹ, thịt trung bình |
| Độ chua của đất          | pH <sub>H2O</sub> đất ( <i>a, a-</i> ) | 5,5 - 6,5                 |
| Nguy hại do phèn         | Độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn (cm)   | > 100                     |
| Dinh dưỡng trong đất     | Lân dễ tiêu ( <i>p</i> )               | Cao                       |
|                          | Khả năng cố định lân cao ( <i>i</i> )  | Thấp                      |
| Nguy hại do mặn          | Nhiễm mặn ( <i>s-</i> )                | < 2‰                      |
| Nguy hại do lũ           | Độ sâu ngập (cm)                       | Không ngập; < 5 cm        |
|                          | Thời gian ngập (ngày)                  | Không ngập; < 1 ngày      |

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn*

### 3.3.3. Khóm (LUT 3)

Đất trồng khóm phải có tầng canh tác dày trên 0,4 m, đất phải tơi xốp, thoáng, thoát nước tốt. Yêu cầu pH<sub>H2O</sub> đối với nhóm khóm Cayenne

(thơm) là 5,0 - 6,0, nhóm Queen (Hoàng hậu) là 4,0 - 5,0. Đất phù sa, đất sét pha cát, màu mỡ, có khả năng giữ ẩm tốt, thoát nước nhanh.

**Bảng 4. Yêu cầu sử dụng đất đai đối với LUT 3 - Khóm**

| Yêu cầu sử dụng đất đai  | Yếu tố chẩn đoán/đặc tính đất đai      | LUT 3             |
|--------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| Khả năng giữ nước bề mặt | Sa cấu ( <i>S, L, C, R...</i> )        | Cát pha, thịt nhẹ |
| Độ chua của đất          | pH <sub>H2O</sub> đất ( <i>a, a-</i> ) | 4,5 - 5,5         |
| Nguy hại do phèn         | Độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn (cm)   | > 75 cm           |
| Dinh dưỡng trong đất     | Lân dễ tiêu ( <i>p</i> )               | Cao               |
|                          | Khả năng cố định lân cao ( <i>i</i> )  | Thấp              |

|                 |                       |                      |
|-----------------|-----------------------|----------------------|
| Nguy hại do mặn | Nhiễm mặn (s-)        | < 2‰                 |
| Nguy hại do lũ  | Độ sâu ngập (cm)      | Không ngập; < 5 cm   |
|                 | Thời gian ngập (ngày) | Không ngập; < 1 ngày |

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn*

**3.3.4. Mít (LUT 4)** có độ pH<sub>H<sub>2</sub>O</sub> từ 5,5 - 7,0 để cây phát triển tối ưu. Đất phù sa, đất sét pha cát, có mực nước ngầm thấp dưới 1 m so với mặt đất vì cây chịu cần cao quanh năm, khoảng 80 - 90%. Đất cần ngập úng kém.

**Bảng 5. Yêu cầu sử dụng đất đai đối với LUT 4 - Mít**

| Yêu cầu sử dụng đất đai  | Yếu tố chẩn đoán/đặc tính đất đai                 | LUT 4                     |
|--------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------|
| Khả năng giữ nước bề mặt | Sa cấu ( <i>S, L, C, R...</i> )                   | Thịt nhẹ, thịt trung bình |
| Độ chua của đất          | pH <sub>H<sub>2</sub>O</sub> đất ( <i>a, a-</i> ) | 5,5 - 6,5                 |
| Nguy hại do phèn         | Độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn (cm)              | > 80 cm                   |
| Dinh dưỡng trong đất     | Lân dễ tiêu ( <i>p</i> )                          | Cao                       |
|                          | Khả năng cố định lân cao ( <i>i</i> )             | Thấp                      |
| Nguy hại do mặn          | Nhiễm mặn (s-)                                    | < 2‰                      |
| Nguy hại do lũ           | Độ sâu ngập (cm)                                  | Không ngập; < 10 cm       |
|                          | Thời gian ngập (ngày)                             | Không ngập; < 1 ngày      |

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn*

**3.3.5. Măng cầu xiêm (LUT 5)** có lượng mưa nhiều và độ ẩm cao. Cây măng cầu xiêm có thể trồng trên nhiều loại đất khác nhau, đất phèn có pH<sub>H<sub>2</sub>O</sub> 4,5 - 6,5 và đất phù sa ven sông, bãi bồi.

**Bảng 6. Yêu cầu sử dụng đất đai đối với LUT 5 - Măng cầu xiêm**

| Yêu cầu sử dụng đất đai  | Yếu tố chẩn đoán/đặc tính đất đai                 | LUT 5                |
|--------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| Khả năng giữ nước bề mặt | Sa cấu ( <i>S, L, C, R...</i> )                   | Thịt nhẹ             |
| Độ chua của đất          | pH <sub>H<sub>2</sub>O</sub> đất ( <i>a, a-</i> ) | 5,5 - 6,5            |
| Nguy hại do phèn         | Độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn (cm)              | Không phèn; > 100 cm |
| Dinh dưỡng trong đất     | Lân dễ tiêu ( <i>p</i> )                          | Cao                  |
|                          | Khả năng cố định lân cao ( <i>i</i> )             | Thấp                 |
| Nguy hại do mặn          | Nhiễm mặn (s-)                                    | < 2‰                 |
| Nguy hại do lũ           | Độ sâu ngập (cm)                                  | Không ngập; < 5 cm   |
|                          | Thời gian ngập (ngày)                             | Không ngập; < 1 ngày |

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn*

### 3.3.6. Sầu riêng (LUT 6)

Cây sầu riêng sinh trưởng, phát triển ở nhiệt độ từ 24 - 30°C, mẫn cảm với mặn, chịu được nguồn nước có nồng độ < 1‰. Lượng mưa từ 1.600 - 4.000 mm/năm, tốt nhất là 2.000

mm/năm. Thích hợp với đất thịt hoặc đất thịt pha cát, đất phù sa, đất đỏ bazan, không thích hợp với đất nhiều cát, đặc biệt là đất giồng cát, độ pH<sub>H2O</sub> thích hợp từ 5,5 - 6,5.

**Bảng 7. Yêu cầu sử dụng đất đai đối với LUT 6- Sầu riêng**

| Yêu cầu sử dụng đất đai  | Yếu tố chẩn đoán/đặc tính đất đai      | LUT 5                     |
|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|
| Khả năng giữ nước bề mặt | Sa cấu ( <i>S, L, C, R...</i> )        | Thịt nhẹ, thịt trung bình |
| Độ chua của đất          | pH <sub>H2O</sub> đất ( <i>a, a-</i> ) | 5,5 - 6,5                 |
| Nguy hại do phèn         | Độ sâu xuất hiện tầng sinh phèn (cm)   | Không phèn; > 100 cm      |
| Dinh dưỡng trong đất     | Lân dễ tiêu ( <i>p</i> )               | Cao                       |
|                          | Khả năng cố định lân cao ( <i>i</i> )  | Thấp                      |
| Nguy hại do mặn          | Nhiễm mặn ( <i>s-</i> )                | <2‰                       |
| Nguy hại do lũ           | Độ sâu ngập (cm)                       | Không ngập; < 5 cm        |
|                          | Thời gian ngập (ngày)                  | Không ngập; < 1 ngày      |

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn*

## 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

### 4.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 6 loại cây ăn trái chủ lực có yêu cầu sử dụng đất đai khác nhau, phản ánh mức độ thích nghi không đồng nhất đối với các điều kiện thổ nhưỡng của khu vực nghiên cứu. Trong đó, bưởi da xanh và chanh không hạt thích hợp với đất có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, giá trị pH<sub>H2O</sub> dao động trong khoảng 5,5 - 6,5 và ít chịu ảnh hưởng bởi điều kiện đất phèn hoặc xâm nhập mặn. Đối với cây khóm, có khả năng thích nghi tương đối tốt với điều kiện đất chua và đất phèn, thể hiện tiềm năng mở rộng sản xuất tại các khu vực có điều kiện đất hạn chế. Ngược lại, cây sầu riêng có yêu cầu sinh thái đất nghiêm ngặt hơn so với các cây trồng còn lại, đặc biệt đối với các yếu tố như khả năng thoát nước của đất và độ sâu xuất hiện tầng phèn. Điều này cho thấy, việc bố trí vùng sản xuất sầu riêng cần được cân nhắc kỹ lưỡng trên cơ sở đánh giá điều kiện đất đai nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình canh tác.

Nghiên cứu cũng xác định các yếu tố hạn chế chính đối với sản xuất 6 loại cây ăn trái chủ lực gồm: Tầng phèn xuất hiện nông, nguy cơ ngập theo mùa, hiện tượng nhiễm mặn cục bộ và tình trạng suy giảm hoặc thiếu hụt dinh dưỡng đất. Đây là các yếu tố cần được xem xét trong quá trình quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp.

Việc xác định yêu cầu sử dụng đất đai của từng loại cây trồng đã cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho công tác đánh giá thích nghi đất đai, lựa chọn cơ cấu cây trồng phù hợp và định hướng phát triển các vùng cây ăn trái tập trung theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển nông nghiệp bền vững.

### 4.2. Đề xuất

Kết hợp các kết quả xác định yêu cầu sử dụng đất với dữ liệu bản đồ đất, địa hình và thủy văn để tiến hành đánh giá thích nghi đất đai và xây dựng bản đồ phân vùng cây ăn trái chủ lực khu vực Hậu Giang, Thành phố Cần Thơ.

Xây dựng phân cấp thích nghi các mô hình canh tác cây ăn trái chủ lực khu vực Hậu Giang, Thành phố Cần Thơ dựa trên các yếu tố về kinh tế, xã hội, chính sách, môi trường. Từ đó, đề xuất các vùng thích nghi chuyên canh cây ăn trái, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu tại khu vực Hậu Giang, Thành phố Cần Thơ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Slovin, E. (1960). *Slovin's formula for sampling technique*. Science and Education Publishing, USA.
- [2]. Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang (2015). *Niên giám thống kê tỉnh Hậu Giang*.
- [3]. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Hậu Giang (2023). *Báo cáo tổng kết tỉnh*

hình sản xuất và phát triển cây ăn trái trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023.

[4]. Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ Hậu Giang (2020). *Báo cáo thống kê tình hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công*

*nghệ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.*

[5]. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang (2020). *Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020.*

#### **IDENTIFYING LAND USE REQUIREMENTS FOR KEY FRUITS IN HAU GIANG ZONE, CAN THO CITY**

**Nguyen Minh Trieu<sup>1</sup>, Pham Thanh Vu<sup>2</sup>,**

**Nguyen Thi Thanh Tuyen<sup>2</sup>, Vo Quang Minh<sup>2</sup>**

<sup>1</sup> *PhD Student in Land Management, Can Tho University*

<sup>2</sup> *Can Tho University*

#### **Abstract**

This study aims to identify the land use requirements for main fruits in Hau Giang zone, Can Tho City. Based on a review of relevant literature, crop ecological characteristics and natural conditions of the study area, the current cultivation status of six major fruit crop systems was evaluated from the perspectives of sustainability and soil fertility. The selected fruits include pomelo, seedless lime, pineapple, jackfruit, soursop, and durian. Important land characteristics such as soil texture, soil acidity (pH), acid sulfate hazards, salinity, flooding conditions and soil nutrient status were identified for land requirements. The results provide a scientific basis for selecting suitable crops according to land conditions, contributing to improved land-use efficiency, the development of specialized fruit-growing areas and sustainable agricultural production in Can Tho City.

**Keywords:** *Staple crops, land potential, orientation, sustainability, Hau Giang, Can Tho.*

**Ngày nhận bài:** 13/4/2026

**Ngày chuyển phản biện:** 28/4/2026

**Ngày thông qua phản biện:** 12/5/2026

**Ngày duyệt bài:** 23/6/2026